

Số: 1121 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp:
Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ nhu cầu sửa chữa Hệ thống khí
thắng Tổ máy H2, Hệ thống đo rung đảo Tổ máy H2 và Trạm phân
phối 220KV Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1780/QĐ-ĐN5 ngày 13/12/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng Công ty Điện lực-TKV về việc Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-ĐN5 ngày 11/6/2026 về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-ĐN5 ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ nhu cầu sửa chữa Hệ thống khí thắng Tổ máy H2, Hệ thống đo rung đảo Tổ máy H2 và Trạm phân phối 220KV Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5;

Căn cứ Biên bản đánh giá các bản chào giá ngày 28/7/2026 của Tổ tư vấn.

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày 30/7/2026 giữa Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV và Công Ty TNHH Bảo Châu Construction;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn tại tờ trình ngày 31/7/2026 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ nhu cầu sửa chữa Hệ thống khí thắng Tổ máy H2, Hệ thống đo rung đảo Tổ máy H2 và Trạm phân phối 220KV Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ nhu cầu sửa chữa Hệ thống khí thắng Tổ máy H2, Hệ thống đo rung đảo



Tổ máy H2 và Trạm phân phối 220KV Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 với các nội dung sau:

1. Tên nhà cung cấp được lựa chọn: Công Ty TNHH Bảo Châu Construction, Địa chỉ: 29A Phan Huy Ích, Xã Đại Lào, TP Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

2. Chung loại vật tư, số lượng, giá trị: Chi tiết như phụ lục kèm theo.

3. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Thời gian thực hiện hợp đồng là 485 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực bao gồm 120 ngày cung cấp hàng hóa và 365 ngày bảo hành kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ tư vấn thực hiện các bước tiếp theo của quy trình lựa chọn Nhà cung cấp.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan, Tổ tư vấn và nhà cung cấp được lựa chọn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

Nơi nhận:

- Như Điều 2; Điều 3;
- Trang Websites TKV (để đăng tải)
- Trang Websites ĐLTKV (để đăng tải)
- Lưu: VT, KT-AT, TCKT, KHĐTVT.D(03)



Trần Văn Tuấn

970
NG
YH
GM
K
LỘC

PHỤ LỤC:
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC HÀNG HÓA CUNG CẤP
(Đính kèm quyết định Số: 1121 /QĐ-ĐN5 ngày 31 / 7 /2026)

STT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thành tiền chưa bao gồm thuế GTGT	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT	Thời gian bảo hành	Ghi chú
1	Contactor	LC1D09 Dòng điện định mức: 25A Điện áp: max 690V/AC Điện áp cuộn dây điều khiển: 220 VDC Tần số 50Hz Số tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Schneider Electric SE/ Pháp	Cái	1	594.000	594.000	8%	47.520	641.520	12 Tháng	
2	Đồng hồ đo áp lực khí	Dải đo 0-1MPa, đường kính mặt 130mm Đường kính chân ren lắp đặt: 20mm Bước ren lắp đặt: 1,5mm Độ dài chân ren lắp đặt: 38mm	OEM/Trung Quốc	Cái	2	2.244.880	4.489.760	8%	359.181	4.848.941	12 Tháng	
3	Sensor đo độ rung tổ máy	HSX: B&K Vibro Model: AS-073 M/N: C103153001 S/N: 00004012	Brüel & Kjær Vibro GmbH/ Đức	Bộ	1	78.238.462	78.238.462	8%	6.259.077	84.497.539	12 Tháng	Chứng nhận CO/CQ bản dịch sang tiếng việt có chứng thực
Thành tiền							83.322.222		6.665.778	89.988.000		

(Số tiền bằng chữ: Tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).

